

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-10-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị H và anh H1

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc

Bà Nguyễn Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 76/8, khu phố Long M, phường Long Thành B, thị xã Th, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 26, hẻm 13, đường 781, tổ 9, ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh H1 chung sống từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống được 02 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 cờ bạc, không lo làm ăn, gây nợ nần. Chị nhiều lần thay anh trả nợ cờ bạc, ăn chơi số tiền lên đến hơn 100.000.000 đồng. Chị đã cho anh cơ hội thay đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng anh không thực hiện đúng lời hứa. Chị không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh M, sinh ngày 24/3/2020. Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Anh Nguyễn Minh H1 không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị H đối với anh H1; giao con chung cho chị H

nuôi dưỡng, anh H1 không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh H1 không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1. Riêng chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị H Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ch, tỉnh T vào năm 2018 nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Chị H cho rằng anh H1 không có trách nhiệm khi chung sống với chị, không lo làm ăn mà ăn chơi, cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn. Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh H1 không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị H yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh H1 có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh H1 không đưa ra chứng cứ để

chứng minh, xem như anh H1 không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị H, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Quá trình Tòa án xác minh mẹ anh H1 đã xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh H1 ham chơi, không lo làm ăn, chị H đã nhiều lần tha thứ cho cơ hội nhưng anh H1 không thay đổi. Ngoài ra chị H có cung cấp cho Tòa án 01 đơn khởi kiện ghi thời gian tháng 8 năm 2019 có nội dung “Tôi hứa sẽ thay đổi để giữ hạnh phúc nếu tôi không thay đổi vợ tôi có quyền ly hôn tôi” chị H trình bày là do anh H1 viết vào khi chị làm đơn, do anh hứa hẹn thay đổi bản thân nên chị không nộp đơn ly hôn mà cho anh cơ hội. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: con chung dưới 36 tháng tuổi, chị H yêu cầu được nuôi con nên xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh Mây, sinh ngày 24/3/2020 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị H xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Minh H1.

Về hôn nH: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Minh H1.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Ánh Mây, sinh ngày 24/3/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, chị trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007396 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA